

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH  
KHOA LUẬT THƯƠNG MẠI

**DANH MỤC ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP KHÓA 43 (NĂM 2022)**

**I. BỘ MÔN LUẬT THƯƠNG MẠI**

*Các đề tài được liệt kê dưới đây mang tính gợi ý, sinh viên có thể đăng ký với Khoa đề tài khác do mình tự chọn. Ngoài ra Sinh viên có thể chọn một khía cạnh nhất định trong các đề tài nằm trong danh mục để thực hiện. Đối với các đề tài do sinh viên tự chọn, sinh viên có thể thực hiện đề tài sau khi được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn.*

**A. Pháp luật doanh nghiệp, đầu tư & phá sản**

1. Quy chế pháp lý về chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân theo Luật Doanh nghiệp
2. Nghĩa vụ của người quản lý công ty trong pháp luật một số quốc gia (Sinh viên có thể chọn một quốc gia cụ thể) và kinh nghiệm cho Việt Nam.
3. Pháp luật về kiểm soát các giao dịch có nguy cơ tư lợi trong công ty cổ phần
4. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số trong công ty cổ phần ở Việt Nam
5. Xác lập tư cách thành viên, cổ đông công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp
6. Thỏa thuận cổ đông theo pháp luật của một số quốc gia (sinh viên có thể chọn một quốc gia cụ thể) và kinh nghiệm cho Việt Nam
7. Thực hiện nghĩa vụ góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp
8. Chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu công ty theo Luật Doanh nghiệp
9. Định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH hai thành viên trở lên theo Luật Doanh nghiệp
10. Một số vấn đề pháp lý về thành viên hợp danh trong công ty hợp danh theo Luật Doanh nghiệp
11. Địa vị pháp lý của giám đốc/tổng giám đốc trong bộ máy quản lý nội bộ công ty cổ phần
12. Hội đồng quản trị trong công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp

13. Quy chế pháp lý về thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong công ty cổ phần
14. Pháp luật về quản trị công ty niêm yết của một số nước trên thế giới (sinh viên có thể chọn quốc gia) và kinh nghiệm cho Việt Nam
15. Pháp luật về quyền khởi kiện của cổ đông - Nghiên cứu so sánh luật
16. Quyền và nghĩa vụ của người quản lý công ty cổ phần - Nghiên cứu so sánh luật
17. Quy chế pháp lý về mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con theo pháp luật Việt Nam
18. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con theo pháp luật một số quốc gia (sinh viên có thể chọn một quốc gia cụ thể) và kinh nghiệm cho Việt Nam.
19. Quy chế pháp lý về sở hữu chéo theo pháp luật của một số quốc gia (sinh viên có thể chọn một hoặc một số quốc gia cụ thể) và kinh nghiệm cho Việt Nam
20. Vấn đề kiểm soát giao dịch giữa các công ty trong nhóm công ty theo Luật Doanh nghiệp
21. Mối quan hệ pháp lý giữa chủ sở hữu và người quản lý công ty theo Luật Doanh nghiệp
22. Quy chế pháp lý về người quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp
23. Địa vị pháp lý của người quản lý doanh nghiệp nhà nước theo pháp luật Việt Nam
24. Góp vốn thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp
25. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử theo pháp luật Việt Nam
26. Pháp luật về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết
27. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông trong công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp
28. Pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh giáo dục mầm non
29. Pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh giáo dục đại học
30. Pháp luật về hộ kinh doanh
31. Pháp luật về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ
32. Địa vị pháp lý của ban kiểm soát trong công ty cổ phần.
33. Nghĩa vụ công bố thông tin của công ty cổ phần đại chúng theo pháp luật Việt Nam.
34. Mua lại phần vốn góp/ cổ phần trong công ty trách nhiệm hữu hạn/công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp

35. Địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong bộ máy quản lý nội bộ công ty đại chúng
36. Pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư trong đầu tư theo phương thức đối tác công tư
37. Địa vị pháp lý của Tòa án trong thủ tục giải quyết phá sản
38. Người đại diện phần vốn nhà nước trong doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam
39. Nghĩa vụ công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước
40. Quyền thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp
41. Những vấn đề pháp lý về hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần. (Khuyến khích nghiên cứu từ thực tiễn xét xử của tòa án và trọng tài)
42. Tranh chấp về tư cách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên. (Khuyến khích nghiên cứu từ thực tiễn xét xử của tòa án và trọng tài).
43. Pháp luật về quyền của cổ đông trong công ty cổ phần và cơ chế thực thi
44. Các mô hình quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp
45. Ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật Việt Nam
46. Mua cổ phần, phần vốn góp trong doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật Việt Nam.
47. Thực hiện hoạt động đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư Nguyên tắc công khai, minh bạch trong đầu tư theo phương thức PPP.
48. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp dự án PPP theo pháp luật Việt Nam
49. Những vấn đề pháp lý về chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu trong dự án PPP.
50. Tổ chức lại doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp
51. Giải thể doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp
52. Những vấn đề pháp lý về phân chia lợi nhuận theo Luật Hợp tác xã 2012
53. Các nguyên tắc hoạt động của Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã
54. Tổ chức, quản lý hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã 2012
55. Thành lập doanh nghiệp và góp vốn vào doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam
56. Giám sát doanh nghiệp nhà nước theo pháp luật Việt Nam

57. Địa vị pháp lý của chủ nợ trong quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã
58. Tài sản và thứ tự phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản
59. Các vấn đề pháp lý về phá sản các tổ chức tín dụng ở Việt Nam
60. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản theo Luật Phá sản năm 2014
61. Địa vị pháp lý của quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã
62. Vấn đề điều hòa giữa lợi ích của chủ nợ và doanh nghiệp bị mở thủ tục phá sản theo Luật Phá sản 2014
63. Hội nghị chủ nợ trong thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã theo Luật Phá sản 2014
64. Quy chế pháp lý về vốn của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã 2012
65. Doanh nghiệp xã hội theo Luật Doanh nghiệp
66. Pháp luật về doanh nghiệp xã hội của một số quốc gia (sinh viên có thể chọn một hoặc một số quốc gia cụ thể) - Kinh nghiệm cho Việt Nam
67. Ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh theo pháp luật Việt Nam
68. Pháp luật về ưu đãi đầu tư
69. Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài
70. Vấn đề bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị mở thủ tục phá sản theo Luật Phá sản 2014
71. Quy chế pháp lý về quản tài viên theo pháp luật một số quốc gia (sinh viên có thể chọn một hoặc một số quốc gia cụ thể) và kinh nghiệm cho Việt Nam
72. Chuyển nhượng dự án đầu tư theo Luật Đầu tư
73. Kiểm soát việc đầu tư chéo của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật Việt Nam
74. Thủ tục đầu tư thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật Việt Nam
75. Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo pháp luật Việt Nam
76. Pháp luật về dự án đầu tư có yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt
77. Pháp luật về kinh doanh Casino
78. Pháp luật về kinh doanh đặt cược

79. Phá sản cá nhân theo pháp luật của một số quốc gia (sinh viên có thể chọn một quốc gia cụ thể) và kinh nghiệm cho Việt Nam

## **B. Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ**

80. Nguyên tắc áp dụng Luật thương mại

81. Nguyên tắc áp dụng thói quen trong hoạt động thương mại

82. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa theo Luật Thương mại 2005

83. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa theo Luật Thương mại 2005

84. Hợp đồng phân phối trong hoạt động thương mại

85. Chuyển rủi ro trong hoạt động mua bán hàng hóa theo Luật Thương mại 2005

86. Pháp luật về hoạt động đại diện cho thương nhân

87. Pháp luật về hoạt động ủy thác mua bán hàng hóa

88. Pháp luật về hoạt động đại lý thương mại

89. Pháp luật về hoạt động môi giới thương mại

90. Pháp luật về hoạt động nhượng quyền thương mại

91. Pháp luật Việt Nam về quá cảnh hàng hóa

92. Pháp luật Việt Nam về chuyển khẩu hàng hóa

93. Miễn trách nhiệm và giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics

94. Hoạt động cho thuê hàng hóa theo Luật Thương mại 2005

95. Pháp luật về giám định thương mại

96. Giá trị pháp lý của chứng thư giám định và hậu quả pháp lý của việc cấp chứng thư giám định sai

97. Quyền cầm giữ và định đoạt hàng hóa của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics

98. Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán theo Luật Thương mại 2005

99. Pháp luật về gia công hàng hóa trong thương mại

100. Pháp luật về quảng cáo thương mại ở Việt Nam

101. Pháp luật về quảng cáo trên trang thông tin điện tử

102. Pháp luật về hoạt động khuyến mại ở Việt Nam
103. Hành vi bị cấm trong hoạt động quảng cáo
104. Hành vi bị cấm trong hoạt động khuyến mại
105. Pháp luật về trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ ở Việt Nam
106. Pháp luật về hội chợ, triển lãm thương mại ở Việt Nam
107. Hợp đồng vô hiệu trong hoạt động thương mại
108. Miễn trách nhiệm đối với vi phạm hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
109. Chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
110. Chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng theo Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG)
111. Chế tài tạm ngừng thực hiện hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
112. Chế tài bồi thường thiệt hại theo Luật Thương mại 2005
113. Chế tài phạt vi phạm hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
114. Chế tài đình chỉ thực hiện hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
115. Chế tài hủy bỏ hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
116. Pháp luật về khiếu nại trong hoạt động thương mại
117. Chế tài bồi thường thiệt hại theo Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG)
118. Vấn đề hạn chế tổn thất của bên yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG)
119. Vấn đề hạn chế tổn thất của bên yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật Thương mại 2005
120. Chế tài hủy bỏ hợp đồng theo Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG)
121. Vấn đề vi phạm hợp đồng trước thời hạn theo Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG)
122. Hàng hóa không phù hợp với hợp đồng theo Luật thương mại 2005
123. Trách nhiệm đối với hàng hóa không phù hợp với hợp đồng theo Luật thương mại 2005

### **C. Pháp luật cạnh tranh**

124. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm theo pháp luật cạnh tranh (sinh viên cần chọn một hành vi cụ thể)
125. Hành vi lôi kéo khách hàng bất chính theo Luật Cạnh tranh năm 2018
126. Hành vi xâm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh theo Luật Cạnh tranh năm 2018
127. Xác định thị trường liên quan theo Luật Cạnh tranh năm 2018
128. Kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo Luật Cạnh tranh năm 2018
129. Đánh giá tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo Luật Cạnh tranh năm 2018
130. Thủ tục miễn trừ theo Luật Cạnh tranh năm 2018
131. Chính sách khoan hồng theo Luật Cạnh tranh năm 2018
132. Chống hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền theo Luật Cạnh tranh năm 2018
133. Xác định sức mạnh thị trường đáng kể theo Luật Cạnh tranh năm 2018
134. Kiểm soát doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực độc quyền nhà nước
135. Kiểm soát tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh năm 2018
136. Đánh giá tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của việc tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh năm 2018
137. Thẩm định tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh năm 2018
138. Địa vị pháp lý của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong tố tụng cạnh tranh
139. Địa vị pháp lý của Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh trong tố tụng cạnh tranh
140. Tố tụng cạnh tranh theo Luật Cạnh tranh năm 2018
141. Chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo Luật Cạnh tranh năm 2018
142. Chế tài đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm
143. Quy định pháp luật về hòa giải thương mại
144. Tố tụng trọng tài theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010
145. Xác định thẩm quyền của trọng tài thương mại theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010
146. Các vấn đề pháp lý về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài
147. Hủy phán quyết trọng tài theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010
148. Tiêu chuẩn xác định ngưỡng thông báo tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh 2018
149. Trình tự, thủ tục xử lý đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo Luật cạnh tranh năm 2018
150. Biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Luật Cạnh tranh 2018
151. Các biện pháp phạt bổ sung theo quy định của Luật Cạnh tranh 2018

